

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CTC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CTC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CTC TRADING AND SERVICE PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTC TAS

2. Mã số doanh nghiệp: 0108768767

3. Ngày thành lập: 05/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 41 ngõ 686 đường Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Tư vấn, thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
8.	Xây dựng công trình điện	4221

9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4390
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13.	Xây dựng công trình thủy	4291
14.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng - Lắp đặt thiết bị nội thất,	4330
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý bán hàng hóa + Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;	4610
20.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
25.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
26.	In ấn	1811
27.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
28.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
29.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
30.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
31.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
32.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022(Chính)
33.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
34.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
35.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
36.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
37.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

40.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
41.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
42.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
43.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
44.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
45.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
53.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
54.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
55.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
56.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
57.	Sản xuất đồng hồ	2652
58.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
59.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
60.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
61.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
62.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
63.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
64.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
65.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
69.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
70.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
71.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
72.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
73.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815

74.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
75.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
76.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
77.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
78.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
79.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
80.	Sản xuất máy luyện kim	2823
81.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
82.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
83.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
84.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
85.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
86.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
87.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
88.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
90.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
91.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
92.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
93.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
94.	Trồng lúa	0111
95.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
96.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
97.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
98.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
99.	Thu gom rác thải độc hại	3812
100.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
101.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
102.	Tái chế phế liệu	3830
103.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
104.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
105.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
106.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
107.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

108.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
109.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép	4662
110.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
111.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
112.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
115.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
116.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
117.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

118.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
119.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
120.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
121.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
122.	Bốc xếp hàng hóa	5224
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
125.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
126.	Lập trình máy vi tính	6201
127.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
128.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
129.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
130.	Cổng thông tin Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.	6312
131.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
132.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
133.	Cho thuê xe có động cơ	7710
134.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
135.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
136.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
137.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
138.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
139.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
140.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
141.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
142.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
143.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
144.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
145.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 05/06/2019 đến ngày 05/07/2019

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.800

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TRỌNG THỌ	Xóm Chùa Nhĩ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.468	3.468.000.000	51,000	013604485	
			Tổng số	3.468	3.468.000.000	51,000		
2	TRẦN TRỌNG CHUYỀN	Thôn Đồng Thanh, Xã Thiệu Tâm, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.040	2.040.000.000	30,000	173071643	
			Tổng số	2.040	2.040.000.000	30,000		
3	NGUYỄN ĐÌNH CUỜNG	Thôn Đồng Tâm, Xã Thiệu Tâm, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.292	1.292.000.000	19,000	038094009062	
			Tổng số	1.292	1.292.000.000	19,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN TRỌNG THỌ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/10/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013604485*

Ngày cấp: *26/01/2013*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Chùa Nhĩ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Chùa Nhĩ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*